

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy trộn vữa ≥ 180 lít	4
2	Máy hàn xoay chiều ≥ 23 Kw	3
3	Máy trộn bê tông ≥ 250 lít	4
4	Máy đầm bàn ≥ 1 kw	3
5	Máy đầm dùi $\geq 1,5$ Kw	3
6	Máy cắt gạch $\geq 1,7$ Kw	4
7	Ô tô tự đổ ≥ 5 tấn	1

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có):

Tổ chuyên gia chỉ xem xét, đánh giá về năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt cho phần công việc chuyên ngành được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt quy định tại Mục 27.5 E-CDNT. Kinh nghiệm cụ thể và nguồn lực tài chính của nhà thầu phụ đặc biệt sẽ không được cộng vào kinh nghiệm và nguồn lực của nhà thầu khi xem xét kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu. Nhà thầu phụ đặc biệt được đề xuất phải có đầy đủ kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật để thực hiện công việc và phải đáp ứng các tiêu chí sau đây: _____ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với nhà thầu phụ đặc biệt].

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Nội dung yêu cầu		Mức độ đáp ứng
I. Mức độ đáp ứng về vật liệu thi công		
1. Tiêu chuẩn kỹ thuật của các loại vật liệu thi công	Trình bày đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật của các loại vật tư chính dự kiến sử dụng cho công trình: Xi măng, đá 1x2, đá granite tự nhiên, gạch ốp lát, thép xây dựng, thép hình, tôn múi, sơn, bột bả, tấm thạch cao, tấm nhựa nano, tấm alumex, cửa thép hợp kim, vật tư thiết bị điện, nước,...	Đạt
	Không có hoặc trình bày không đầy đủ.	Không đạt
II. Hệ thống tổ chức và nhân sự		
1. Sơ đồ tổ chức hiện trường	Có đầy đủ các bộ phận: Ban chỉ huy công trường, bộ phận văn phòng, bộ phận quản lý kỹ thuật thi công, bộ phận y tế, các đội, tổ thi công,..	Đạt
	Không có sơ đồ hoặc sơ đồ thiếu bộ phận.	Không đạt
2. Thuyết minh sơ đồ tổ chức hiện trường	Có thuyết minh sơ đồ phù hợp, đầy đủ, nêu rõ được nhiệm vụ của các bộ phận.	Đạt
	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh sơ sài, không phù hợp.	Không đạt
III. Giải pháp kỹ thuật:		
1. Giải pháp tổ chức công trường	Có giải pháp tổ chức công trường hợp lý, khả thi, phù hợp với điều kiện tổ chức thi công và tiến độ thi công xây dựng.	Đạt

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

	Không đề xuất hoặc đề xuất giải pháp không hợp lý, không khả thi	Không đạt
2. Biện pháp tổ chức thi công các hạng mục công trình quy định trong điều khoản tham chiếu và hồ sơ thiết kế	Đề xuất đầy đủ biện pháp tổ chức thi công các hạng mục công trình đảm bảo tính hợp lý, khả thi phù hợp với điều kiện tổ chức thi công và tiến độ thực hiện công việc	Đạt
	Không đề xuất hoặc đề xuất biện pháp tổ chức thi công không đầy đủ (thiếu hạng mục cơ bản) hoặc đề xuất biện pháp không phù hợp với điều kiện tổ chức thi công và tiến độ thực hiện công việc	Không đạt
IV. Tiến độ thi công		
1. Tổng tiến độ thi công	Có bảng tổng tiến độ thi công ≤ 60 ngày có tính đến điều kiện thời tiết	Đạt
	Không đề xuất hoặc đề xuất tiến độ thi công > 60 ngày	Không đạt
2. Biểu đồ tiến độ thi công các hạng mục công trình, tiến độ huy động nhân sự, máy móc thiết bị thi công chủ yếu	Có biểu tiến độ hợp lý, khả thi và phù hợp với biện pháp tổ chức thi công và đáp ứng yêu cầu của HSMT. Có giải pháp đảm bảo tiến độ thi công, khắc phục các điều kiện khó khăn như mất điện, mưa bão	Đạt
	Không đề xuất hoặc nội dung đề xuất không đáp ứng các yêu cầu nêu trên	Không đạt
V. Biện pháp đảm bảo chất lượng		
1. Sơ đồ quản lý chất lượng	Có sơ đồ và thuyết minh sơ đồ quản lý chất lượng công trình gồm đầy đủ các bộ phận	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
2. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công công trình.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt

3. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Nhà thầu trình bày quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị	Đạt
	Trình bày giải pháp xử lý vật tư, vật liệu và thiết bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu của gói thầu.	
	Không trình bày hoặc trình bày không đầy đủ, không phù hợp	Không đạt
VI. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường		
1. An toàn lao động:	Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
2. Phòng cháy chữa cháy:	Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
3. Vệ sinh môi trường:	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
VII. Bảo hành của nhà thầu		

Thời gian bảo hành	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt
Kết luận	Tất cả các tiêu chuẩn đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

4.2. Phương pháp giá đánh giá¹:

Cách xác định giá đánh giá theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định giá đánh giá:

Việc xác định giá đánh giá được thực hiện theo công thức sau đây:

$$G_{\text{ĐG}} = G \pm \Delta_G + \Delta_{\text{ƯĐ}}$$

Trong đó:

- G = (giá dự thầu $\pm$ giá trị hiệu chỉnh sai lệch thừa) - giá trị giảm giá (nếu có);

- $\Delta_{\text{ƯĐ}}$ là ưu đãi được xác định theo quy định tại Mục 29 E-CDNT;

- Δ_G là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng cho cả vòng đời sử dụng của công trình bao gồm:

+ Tiến độ hoàn thành công trình;

+ Chi phí vòng đời trong toàn bộ quá trình sử dụng của công trình;

+ Chi phí lãi vay (nếu có);

+ Các yếu tố của đấu thầu bền vững (nếu có);

+ Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

+ Các yếu tố khác (nếu có).

1. Tiến độ hoàn thành công trình:

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.1 Mục 4 Chương này.